

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2019

V/v “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Đức**

2. Ông **Ngô Thanh Ngọc Cảnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 313/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 183/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Trung Sơn, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Trung Sơn, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn U trình bày: Anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị N sống chung năm 1995, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sinh được hai con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, do chị N có tính ghen tuông vô cớ, thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm anh U khiến anh cảm thấy cuộc sống quá tù túng, hai người mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên anh U yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 05/11/2012. Cháu Cẩm Tú hiện

đang sống chung với chị N, và con có nguyện vọng muốn sống với mẹ, nên anh U đồng ý giao cháu Tú cho chị N nuôi dưỡng, anh U tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng vào ngày 01 hàng tháng cho con chung đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung

Theo lời khai và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị N trình bày: Thống nhất về thời gian chung sống với anh U vào năm 1995 có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn, anh chị có hai con chung. Do anh U đi làm ăn xa có người phụ nữ khác bên ngoài, chị N bắt gặp nên vợ chồng có cự cãi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh U yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 05/11/2012. Cháu Cẩm Tú hiện đang sống với chị N, sau khi ly hôn yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh U và chị N là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn U làm đơn yêu cầu được ly hôn chị N với có địa chỉ tổ 10, ấp Trung Sơn, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]Về nội dung: Anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị N sống chung với nhau vào năm 1995 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn U, Hội đồng xét xử xét thấy chị N và anh Nguyễn Văn U chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu. Thời gian gần đây đã xảy ra mâu thuẫn, tính tình không còn phù hợp, chị N và anh Nguyễn Văn U thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn trầm trọng, chị N và anh Nguyễn Văn U đã không còn sống chung, tình cảm giữa hai người không còn, chị N cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn U. Tuy nhiên Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại thời điểm này chị N và anh Nguyễn Văn U

đã đủ độ tuổi để kết hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn, đến nay anh, chị cũng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, Tòa án không giải quyết cho chị N và anh U ly hôn mà cần không công nhận chị N và anh U là vợ chồng.

Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị N thì thấy chị N và anh U sống chung với nhau có hai con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1996 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 05/11/2012 hiện con đang sống với chị N. Sau khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Trong quá trình con sống chung với chị N thì chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tốt, mặt khác hiện nay con có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn thì con muốn sống với mẹ, do đó để tạo cho các cháu ổn định về tâm lý và sinh hoạt hàng ngày nên chấp nhận cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh U đồng ý giao cháu U cho chị N nuôi dưỡng, anh U cấp dưỡng 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con chung trưởng thành. Đây là sự tự nguyện của anh U nên ghi nhận.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận chị N và anh Nguyễn Văn U xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị N và anh Nguyễn Văn U vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Văn U và chị Lê Thị N là vợ chồng.

Về con chung: Chị Lê Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 05/11/2012, anh U cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng vào ngày 01 hàng tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận chị N và anh Nguyễn Văn U xác định không có nợ chung nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị N và anh U vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000342 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Anh U phải đóng thêm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hằng